

TỔNG QUAN

Đồng EUR mất giá mạnh so với USD, xuống ngưỡng thấp nhất 20 năm. Mặc dù vậy, việc này vẫn được nhận định không tác động mạnh đến hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam.

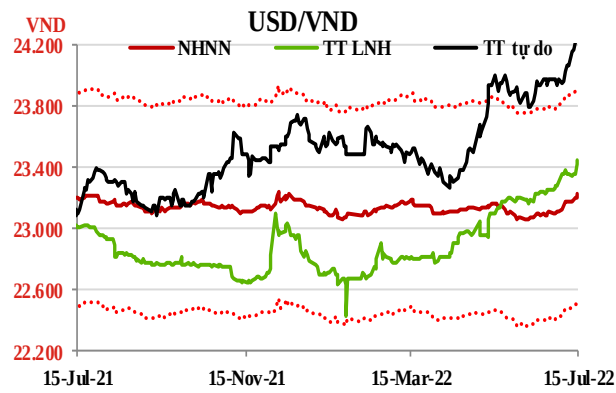
Tính từ đầu năm đến ngày 15/07, đồng EUR đã giảm tới hơn 11% so với đồng USD, xuống mức gần tương đương USD. Giới chuyên gia cho rằng, nguyên nhân chính dẫn tới sự suy yếu của đồng EUR là những quan ngại về nguy cơ xảy ra cuộc khủng hoảng năng lượng ở châu Âu, đặc biệt khi đường ống Dòng chảy Phương Bắc 1 (Nord Stream 1) đưa khí đốt từ Nga tới châu Âu bắt đầu tạm ngừng vận hành từ ngày 11/07 để bảo trì định kỳ. Bối cảnh đó đặt NHTW Châu Âu ECB vào tình thế khó khăn khi vừa phải nỗ lực kiềm chế lạm phát, vừa phải nâng đỡ nền kinh tế đang trên đà giảm tốc, với kế hoạch tăng lãi suất đi vay lần đầu tiên kể từ năm 2011.

Theo Bộ Công thương, trong ngắn hạn, việc đồng EUR mất giá có thể ảnh hưởng nhất định đến một số doanh nghiệp xuất nhập khẩu có hợp đồng thanh toán bằng đồng EUR. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu, cùng một lượng EUR thu về sẽ tiền quy đổi ra nội tệ ít hơn nên sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận. Tuy nhiên, theo tính toán của các chuyên gia, tỷ trọng sử dụng đồng EUR để thanh toán với các doanh nghiệp thuộc khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, trong đó có Việt Nam hiện mới ở mức từ 5-7%; trong khi sử dụng USD chiếm từ 65-70%. Hiện chỉ có khoảng 15 - 20% doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam ký hợp đồng thanh toán bằng Euro, còn lại chủ yếu bằng USD nên thiệt hại được giảm thiểu đáng kể. Ở chiều ngược lại, doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa từ EU chi phí sẽ rẻ hơn nên việc nhập khẩu sẽ có lợi hơn. Mặc dù kim ngạch NK từ khu vực này là không lớn, nhưng lại là các mặt hàng thiết yếu cho sản xuất, đặc biệt là máy móc, thiết bị và một số vật tư mang tính chiến lược nên có thể coi đây là tín hiệu tích cực. Về lâu dài, việc đồng nội tệ yếu kéo lạm phát lên cao tại EU, hàng hóa nhập khẩu trở nên đắt đỏ hơn. Sức mua yếu làm người tiêu dùng EU có thể hạn chế chi tiêu, nhất là với các mặt hàng không thiết yếu. Điều này có thể làm giảm nhu cầu hàng hóa nhập khẩu từ các thị trường, trong đó, có Việt Nam. Một khó khăn nữa là về giá cả sản xuất. Hiện nay, do thiếu nhân công, đa số doanh nghiệp phải tăng lương để tuyển dụng; chi phí nhập khẩu nguyên phụ liệu tăng cao, tình trạng khan hiếm hàng do Trung Quốc thực hiện chính sách "zero COVID," chi phí logistics tăng...cũng đẩy chi phí sản xuất của doanh nghiệp tăng 15-20%. Do đó, giá sản phẩm Việt Nam XK vào châu Âu ở nhiều ngành hàng có thể trở nên cao hơn, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của sản phẩm Việt Nam ở thị trường này. Châu Âu là thị trường nhập khẩu đứng thứ hai hàng XK của Việt Nam, chỉ sau Mỹ, việc này có khả năng làm giảm kim ngạch XK nói chung của Việt Nam.

Thảo luận về một số ngành hàng cụ thể giao thương giữa Việt Nam và Châu Âu, Bộ Công thương cho biết, ngành dệt may, da giày Việt Nam có tỷ lệ xuất khẩu lớn vào thị trường châu Âu, nhưng thực tế không bị ảnh hưởng nhiều khi đồng EUR mất giá vì hầu hết các doanh nghiệp trong ngành XK sang thị trường châu Âu chủ yếu giao dịch bằng đồng USD. Trong 6 tháng đầu năm, xuất khẩu ngành da giày đạt khoảng 13 tỷ USD và tăng trưởng 13%; tỷ trọng xuất khẩu vào thị trường EU chiếm khoảng 30% trong tổng kim ngạch XK toàn ngành. Tuy nhiên, một số mặt hàng xuất khẩu khác, đơn cử ngành thủ công mỹ nghệ, lại không may mắn như vậy. Thanh toán hợp đồng bằng EUR và ký thống nhất giá từ đầu năm nên việc đồng tiền này giảm giá đã khiến doanh nghiệp bị thiệt hại. Tình trạng như vậy cũng diễn ra với một số doanh nghiệp XK nông sản khi họ đã ký với nhà NK EU đơn hàng từ đầu năm bằng đồng EUR...

Để giảm thiểu thiệt hại từ biến động tỷ giá, các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các chuyên gia đều khuyên các doanh nghiệp, khi ký kết hợp đồng XNK trong bối cảnh các đồng tiền quốc tế biến động phức tạp, doanh nghiệp nên tính đến các giải pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá, đồng thời tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại để quảng bá sản phẩm Việt Nam, mở rộng, đa dạng hóa thị trường, tận dụng các hiệp định thương mại tự do đã ký kết, đặc biệt EVFTA.

Thị trường ngoại tệ



Trong tuần từ 11/07 - 15/07, tỷ giá trung tâm tiếp tục được NHNN điều chỉnh tăng ở hầu hết các phiên, đặc biệt tăng mạnh phiên cuối tuần. Chốt tuần 15/07, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 23.225 VND/USD, tăng 48 đồng so với phiên cuối tuần trước đó. Tỷ giá mua giao ngay được NHNN giữ nguyên niêm yết ở mức 22.550 đồng. Tỷ giá bán giao ngay được NHNN niêm yết ở mức 23.400 VND/USD trong cả tuần.

Tỷ giá LNH tiếp tục tăng ở tất cả các phiên trong tuần qua. Chốt tuần 15/07, tỷ giá LNH đóng cửa tại 23.452 VND/USD, tăng mạnh 97 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Tỷ giá trên thị trường tự do tăng mạnh trong tuần qua, chốt phiên 15/07 tăng 280 đồng ở chiều mua vào và 360 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 24.330 VND/USD và 24.430 VND/USD.

Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Kỳ hạn	Lãi suất LNH				Trái phiếu		
	VND	W/W	USD	W/W	Kỳ hạn	Lợi suất	W/W
ON	0.82	0.02	1.68	0.00	3Y	2.38	0.030
1W	1.32	0.02	1.79	-0.01	5Y	2.43	0.044
2W	1.64	0.02	1.91	0.00	7Y	3.03	0.027
1M	1.98	0.00	2.03	0.00	10Y	3.27	0.014
2M	2.26	0.00	2.23	0.01	15Y	3.50	0.035
3M	2.40	-0.02	2.37	-0.02			
6M	2.62	-0.04	2.53	0.02			
9M	2.84	0.04	2.58	0.02			
1Y	3.03	0.05	2.64	0.02			

Nguồn: Reuters

Tuần từ 11/07 - 15/07, lãi suất VND LNH tăng khá mạnh phiên đầu tuần, sau đó giảm dần trở lại. Chốt ngày 15/07, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 0,82% (+0,02 đpt so với phiên cuối tuần trước đó); 1W 1,32% (+0,02 đpt); 2W 1,64% (+0,02 đpt); 1M 1,98% (không thay đổi).

Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm nhẹ trong tuần vừa qua. Chốt tuần 15/07, lãi suất USD LNH đóng cửa không thay đổi ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ giảm 0,01 đpt ở kỳ hạn 1W, cụ thể: ON 1,68%; 1W 1,79%; 2W 1,91% và 1M 2,03%.

Thị trường mở

Tổng hợp GD cầm cố và mua bán TPNHNN từ 11/07 đến 15/07/2022

Đơn vị: Tỷ đồng	KL chào thầu	KL trúng thầu	KL đáo hạn	Ròng	KL lưu hành
Nghị quyết cầm cố	25,000	1,161.32	1,169.63	- 8.31	1,954.60
Nghị quyết mua bán tín phiếu NHNN	0	59,279.10	56,824.80	- 2,454.30	177,228.80
Tổng cộng				- 2,462.61	

Trên thị trường mở tuần từ 11/07 - 15/07, NHNN chào thầu trên kênh cầm cố ở mức 5.000 tỷ đồng/phiên, đều với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Có 1.161,32 tỷ đồng trúng, trong tuần có 1.169,63 tỷ đồng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN ở 02 kỳ hạn 14 ngày và 28 ngày. Có 59.729,1 tỷ đồng trúng thầu, trong đó kỳ hạn 14 ngày lãi suất 0,9% và kỳ hạn 28 ngày với lãi suất 1,5%. Có 56.824,8 tỷ đồng tín phiếu đến hạn trong tuần.

Như vậy, NHNN hút ròng 2.462,61 tỷ VND từ thị trường, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 1.954,6 tỷ VND, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành là 177.228,8 tỷ đồng.

Thị trường trái phiếu

Giao dịch trên thị trường sơ cấp.

Ngày 11/07, NHCSXH gọi thầu 2.000 tỷ đồng TPCPBL các kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm. Trong đó, kỳ hạn 5 năm gọi thầu 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm và 15 năm gọi thầu 500 tỷ đồng/kỳ hạn. Tuy nhiên, phiên đấu thầu thất bại.

Ngày 13/07, KBNN huy động thành công 1.560/4.500 tỷ đồng TPCP gọi thầu (tỷ lệ trúng thầu 35%). Toàn bộ khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 10 năm, lãi suất trúng thầu tại 2,53%/năm (+0,02%). Từ đầu năm đến nay, KBNN huy động thành công 71 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 18% kế hoạch năm 2022.

Trong tuần vừa qua từ 11/07 - 15/07 không có TPCP đáo hạn. Trong tuần này từ 18/07 - 22/07 có 4.036 tỷ đồng TPCP đáo hạn. Về kế hoạch đấu thầu trong tuần này: ngày 18/07, NHCSXH dự kiến gọi thầu 2.000 tỷ đồng TPCPBL các kỳ hạn từ 5 năm đến 15 năm; tiếp đó ngày 20/07, KBNN dự kiến gọi thầu 5.500 tỷ đồng TPCP các kỳ hạn từ 10 năm đến 30 năm.

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi	Tỷ lệ trúng thầu	Tỷ lệ đặt thầu	Số TV tham gia
VBSP	11-Jul-22	5	1000	0	0.00%	0.00%	0%	0.50	1.00
VBSP	11-Jul-22	10	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
VBSP	11-Jul-22	15	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
MOF	13-Jul-22	10	2000	1560	2.53%	0.02%	78%	2.13	17.00
MOF	13-Jul-22	15	2000	0	0.00%	0.00%	0%	1.50	7.00
MOF	13-Jul-22	20	500	0	0.00%	0.00%	0%	0.00	0.00
Tổng			6500	1560			24%	1.19	

Giao dịch trên thị trường thứ cấp: Giá trị giao dịch Outright và Repos trên thị trường thứ cấp tuần qua đạt trung bình 6.567 tỷ đồng/phiên, tăng tích cực so với mức 4.457 tỷ đồng/phiên của tuần trước đó.

Thống kê giao dịch Outright						Thống kê giao dịch Repos					
Ngày	< 2 năm	2 - 5 năm	5 - 10 năm	> 10 năm	Tổng	Ngày	< 31 ngày	31 - 60 ngày	60 - 92 ngày	> 92 ngày	Tổng
11/Jul/22	161	49	2,620	1,128	3,958	11/Jul/22	860	-	-	-	860
12/Jul/22	53	260	3,194	500	4,007	12/Jul/22	1,061	1,009	302	-	2,371
13/Jul/22	-	-	4,214	2,049	6,263	13/Jul/22	2,569	727	-	-	3,296
14/Jul/22	-	153	3,354	1,681	5,187	14/Jul/22	1,221	1,351	-	-	2,573
15/Jul/22	56	59	2,500	800	3,415	15/Jul/22	334	570	-	-	904
Tổng	270	521	15,882	6,158	22,831	Tổng	6,046	3,656	302	-	10,004
+_ WoW	(99)	147	7,574	3,324	10,947	+_ WoW	2,218	(2,697)	79		(399)
% WoW	-27%	40%	91%	117%	92%	% WoW	58%	-42%	36%		-4%
Tỷ trọng	1%	2%	70%	27%	100%	Tỷ trọng	60%	37%	3%	0%	100%

Đvt: Tỷ đồng

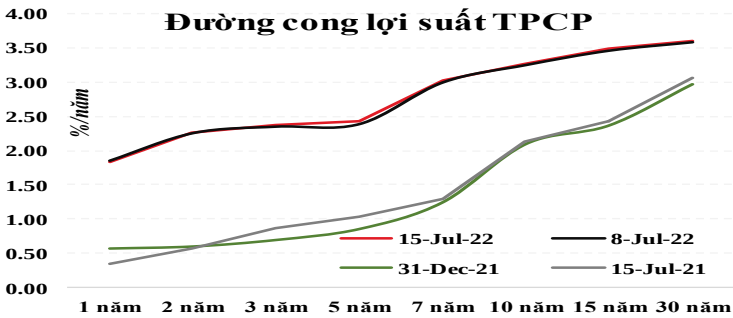
Đvt: Tỷ đồng

Lợi suất TPCP tăng ở hầu hết các kỳ hạn. Chốt phiên 15/07, lợi suất TPCP giao dịch quanh 1 năm 1,84% (-0,02 đpt); 2 năm 2,27% (+0,01 đpt); 3 năm 2,38% (+0,03 đpt); 5 năm 2,43% (+0,04đpt); 7 năm 3,03% (+0,03 đpt); 10 năm 3,27% (+0,01 đpt); 15 năm 3,5% (+0,03 đpt); 30 năm 3,61% (+0,02 đpt).

Diễn biến lợi suất trên thị trường thứ cấp

%/năm	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	30 năm
15-Jul-22	1.84	2.27	2.38	2.43	3.03	3.27	3.50	3.61
So MoM	-0.02	0.01	0.03	0.044	0.03	0.01	0.03	0.023
So YoY	1.50	1.70	1.52	1.40	1.72	1.13	1.07	0.54
So YTD	1.26	1.66	1.68	1.57	1.78	1.17	1.13	0.64

Đường cong lợi suất TPCP

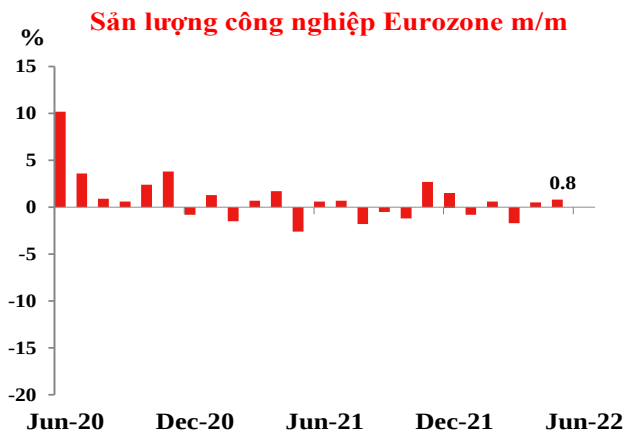
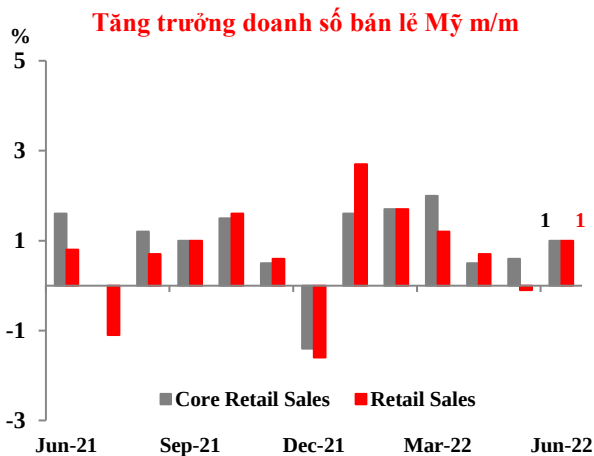
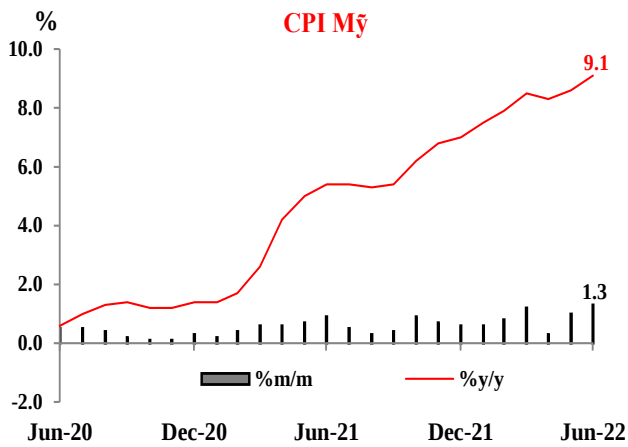


Thị trường chứng khoán

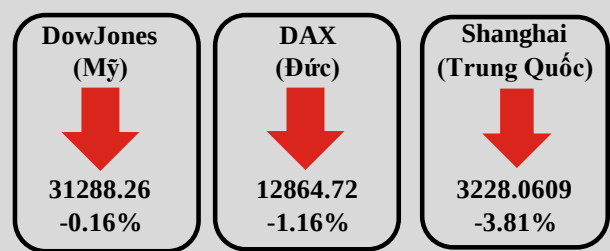
15/07/22	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1179.25	284.40	87.32
thay đổi so với tuần trước	0.68%	2.38%	0.41%
thay đổi so với đầu năm	-21.29%	-40.00%	-22.51%
KLGD/phiên (tr.đ.v)	553.32	61.20	0.04
thay đổi so với tuần trước	-21.26%	-9.53%	-99.97%
GTGD/phiên (tỷ đ)	11547.56	1207.59	0.0005
thay đổi so với tuần trước	-44.11%	-32.49%	-62.47%
ĐTNN mua/bán ròng (tỷ đ)	(1,239.54)	(48.74)	(0.02)

Tuần từ 11/07 - 15/07, các chỉ số trên thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch linh hình quanh mốc tham chiếu qua các phiên. Kết thúc phiên giao dịch cuối tuần 15/07, VN-Index đứng ở mức 1.179,25 điểm, tăng nhẹ 7,94 điểm (+0,68%) so với cuối tuần trước đó; HNX-Index cộng 6,60 điểm (+2,38%) đạt 284,40 điểm; UPCom-Index chỉ tăng 0,36 điểm (+0,41%) lên 87,32 điểm.

Thanh khoản thị trường vẫn chưa cải thiện với giá trị giao dịch trung bình khoảng 12.755 tỷ đồng/phiên. Khối ngoại tiếp tục bán ròng mạnh hơn 1.288 tỷ đồng trên cả 3 sàn trong tuần qua.



Chỉ số chứng khoán tuần



Nước Mỹ ghi nhận nhiều thông tin kinh tế quan trọng, áp lực lạm phát vẫn gia tăng song chưa có dấu hiệu về suy thoái kinh tế. Cụ thể, trong tuần qua, Văn phòng Thống kê Mỹ cho biết, chỉ số CPI toàn phần và CPI lõi của nước này lần lượt tăng 1,3% và 0,7% m/m trong tháng 6, nối tiếp đà tăng 1,0% và 0,6% của tháng 5, đồng thời cùng vượt qua mức tăng chỉ 0,7% và 0,5% theo dự báo. So với cùng kỳ năm 2021, CPI toàn phần tại Mỹ đã tăng tới 9,1% y/y, là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 11/1981. CPI lõi (không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng dễ biến động) cũng cho thấy mức tăng 5,9%. Tiếp theo, chỉ số giá sản xuất PPI toàn phần của nước này tăng 1,1% m/m trong tháng 6, nối tiếp đà tăng 0,8% của tháng 5 và đồng thời cũng cao hơn mức tăng 0,8% theo dự báo. Mặc dù vậy, doanh số bán lẻ lõi và doanh số bán lẻ toàn phần tại Mỹ cùng tăng 1,0% m/m trong tháng 6 vừa qua, cùng vượt qua mức tăng 0,7% và 0,9% theo kỳ vọng. Trước đó, doanh số bán lẻ lõi tại Mỹ cũng tăng 0,6% m/m trong tháng 5, và doanh số bán lẻ toàn phần giảm nhẹ 0,1%. Niềm tin tiêu dùng tại Mỹ trong tháng 7 do Đại học Michigan khảo sát được ở mức 51,1 điểm; tăng nhẹ từ 50,0 điểm của tháng 6 và trái với dự báo giảm xuống còn 49,0 điểm. Hiện tại, một số quan chức Fed có quan điểm khác nhau về quá trình tăng LSCS. Phần lớn ủng hộ đà tăng mạnh 75 điểm cơ bản vào cuộc họp tháng 7, sau đó sẽ điều chỉnh giảm tốc dần dựa theo các dữ liệu kinh tế.

Khu vực Châu Âu bị hạ triển vọng kinh tế. Trong cuộc họp ngày 14/07, Ủy ban Liên minh Châu Âu EC dự báo kinh tế Eurozone sẽ tăng trưởng ở mức 2,6% trong năm nay, thấp hơn so với mức 2,7% được đưa ra vào tháng 5. Trong năm 2023, khi tác động của cuộc khủng hoảng tại Ukraine và giá năng lượng tăng cao trở nên rõ ràng hơn, tăng trưởng kinh tế của Eurozone sẽ ở mức 1,4%, thay vì 2,3% như dự báo trước đó. Bên cạnh đó, EC dự báo lạm phát của Eurozone sẽ đạt đỉnh ở mức 7,6% trong năm nay, trước khi giảm xuống còn 4% trong năm 2023. Mặc dù vậy, EC không cho rằng kinh tế Eurzone sẽ suy thoái, thậm chí có thể tích cực hơn nếu giá hàng hóa hạ nhiệt như thời gian gần đây. Cũng trong tuần qua, chỉ số niềm tin kinh tế của Eurozone do ZEW khảo sát được ở mức -51,1 điểm trong tháng 7, giảm mạnh xuống từ mức -28,0 điểm của tháng 6, sâu hơn nhiều so với mức -39,0 điểm theo dự báo. Đây là mức bi quan nhất của thị trường này kể từ tháng 12/2011. Điểm sáng duy nhất trong tuần là sản lượng công nghiệp tại Eurozone vẫn tăng 0,8% m/m trong tháng 5, nối tiếp đà tăng 0,5% của tháng trước đó và vượt qua mức tăng 0,2% theo dự báo.

Thị trường chứng khoán thế giới chìm trong sắc đỏ. Kết thúc phiên thứ Sáu, chỉ số Dow Jones giảm nhẹ 0,16% w/w, chỉ số DAX giảm 1,16% và chỉ số Shanghai giảm 3,81%. Các chỉ số chứng khoán lớn trong tuần vừa qua chao đảo khi đón nhận nhiều thông tin tiêu cực, đặc biệt là sau khi Mỹ công bố áp lực lạm phát cao nhất trong 40 năm. Tại Châu Âu và Châu Á, chứng khoán thậm chí không có sự hồi phục đáng kể như Mỹ, khi triển vọng kinh tế của hai khu vực này đang rất yếu và phải đối mặt với nguy cơ suy thoái.

Thị trường ngoại hối, vàng, dầu quốc tế

	15 Jul 22	Tuần (%)	Đầu năm (%)	Biến động 2021 (%)
USD index	108.06	0.99%	12.60%	6.71%
USD/CNY	6.76	0.93%	6.37%	-2.65%
USD/EUR	0.99	0.95%	12.70%	7.43%
USD/JPY	138.53	1.80%	20.38%	11.47%
USD/KRW	1317.74	1.78%	10.92%	9.54%
USD/SGD	1.40	0.16%	3.77%	2.13%
USD/TWD	29.92	0.58%	7.98%	-1.29%
USD/THB	36.62	2.12%	10.20%	10.62%
USD/VND Trung tâm	23225	0.21%	0.35%	0.06%
USD/VND LNH	23452	0.42%	2.88%	-1.32%
USD/VND tự do	24390	1.50%	4.01%	0.64%
Vàng	1706.78	-2.01%	-6.65%	-3.59%
Dầu	97.59	-6.87%	29.76%	55.01%

Kỳ hạn	LIBOR		SIBOR		SOFR	
	USD	TĐ	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	1.5651	0.0046				
1M	2.1203	0.2206	1.7893	0.1261	1.4715	0.1849
3M	2.7376	0.3146	2.0082	0.0000	0.9042	0.0964
6M	3.3113	0.2629	0.8211	0.0000	0.5172	0.0578
1Y	3.8964	0.2516				

Vàng giảm tương đối mạnh, đóng cửa phiên ngày thứ Sáu ở mức 1.706,78 USD/oz, tương đương giảm 2,01% w/w. Kim loại quý này tiếp tục rơi trong tuần vừa qua khi sức mạnh đồng USD tiếp tục gia tăng. Các quỹ lớn ngày càng thiên về xu hướng loại bỏ bớt kim loại quý trong danh mục, khi chi phí nắm giữ những tài sản này tăng lên trong chu kỳ Fed và các NHTW nâng LS. Giá dầu giảm mạnh trong tuần qua. Kết thúc phiên thứ Sáu, dầu WTI ở mức 97,59 USD/thùng, tương đương giảm 6,87% w/w. Giá dầu cũng chịu áp lực từ đồng USD. Bên cạnh đó, thị trường vẫn đang lưỡng lự trong việc dự báo triển vọng nguồn cung và nhu cầu dầu mỏ trong tương lai.

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội
ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:
Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm
Email: ninhnnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích
Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích
Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ email: Research@msb.com.vn